

Thứ hai, ngày 6 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm mạnh, VNIndex trở về vùng 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 07/07/2020			•
Tuần 6/7-10/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường phiên đầu tuần mở cửa với sắc xanh và các chỉ số đều tăng dần trong suốt thời gian giao dịch, VNIndex chốt phiên khá ấn tượng với mức tăng 1.6%. Điều này đã giúp chỉ số quay trở lại khu vực xung quanh 860 điểm. Dòng tiền đầu tư được cải thiện mạnh mẽ so với phiên cuối tuần trước khi có 17/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục có phiên mua ròng trên sàn HSX nhưng vẫn bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường đã có sự cải thiện, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy sự lạc quan từ tuần giao dịch trước đó đang được duy trì sang tuần này. VN-Index nhiều khả năng sẽ hướng về khu vực kháng cự tại xung quanh 870 điểm và có thể xuất hiện rung lắc tại vùng này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.0%**

Phân tích kỹ thuật: FPT_Mô hình 2 đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +13.55 điểm, đóng cửa 861.16. HNX-Index +1.52 điểm, đóng cửa 113.07.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+2.92); VNM (+1.19); GAS (+1.16); BID (+1.16); VIC (+1.15).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-0.1); BHN (-0.07); VJC (-0.05); PSH (-0.04); BMP (-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,335 tỷ đồng, +16.28% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.81 điểm. Thị trường có 251 mã tăng, 66 mã tham chiếu và 116 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 24.49 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (153.2 tỷ), VNM (33.6 tỷ) và SSI (10.1 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -7.11 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 861.16

Giá trị: 3335.44 tỷ 13.55 (1.6%)

Khối ngoại (ròng): 25.03 tỷ

HNX-INDEX 113.07

Giá trị: 623.32 tỷ 1.52 (1.36%)

Khối ngoại (ròng): -7.11 tỷ

UPCOM-INDEX 56.48

Giá trị: 0.33 tỷ 0.22 (0.39%)

Khối ngoại(ròng): 4.12 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	0.17%
Giá vàng	1,777	0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,132	0.25%
Tỷ giá JPY/VND	21,570	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	26.76%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.92%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	153.2	VCB	62.6
VNM	33.6	HPG	33.5
SSI	10.1	CTD	12.1
FUEVFVND	9.3	VIC	11.8
PLX	5.1	DHC	10.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
6/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.0%	2.0%	4.8%	4.8%	4.8%	-6.8%	21.3%
FTSE Việt Nam	1.9%	1.9%	4.1%	4.1%	4.1%	-7.1%	17.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.8%	1.8%	4.8%	4.8%	4.8%	-8.4%	16.1%
Ngân Hàng	1.8%	1.8%	4.2%	4.2%	4.2%	-4.8%	23.2%
VN FinSelect	1.8%	1.8%	4.4%	4.4%	4.4%	-6.4%	19.9%
VN Diamond	1.7%	1.7%	4.1%	4.1%	4.1%	-13.4%	19.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.6%	1.6%	4.1%	4.1%	4.1%	-8.8%	18.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.6%	1.6%	3.9%	3.9%	3.9%	-11.3%	19.7%
BDS & Khu công nghiệp	1.6%	1.6%	3.8%	3.8%	3.8%	-6.0%	17.8%
Dầu khí	1.5%	1.5%	3.2%	3.2%	3.2%	-21.2%	25.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.3%	1.3%	4.4%	4.4%	4.4%	-14.2%	16.8%
Corona Avengers	1.3%	1.3%	3.1%	3.1%	3.1%	-1.7%	22.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.3%	1.3%	3.5%	3.5%	3.5%	-12.8%	21.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	1.3%	3.9%	3.9%	3.9%	-2.2%	22.4%
Ngành Dược	1.0%	1.0%	2.8%	2.8%	2.8%	-5.8%	18.3%
Nước & Năng lượng	1.0%	1.0%	3.7%	3.7%	3.7%	-7.2%	16.9%
Đầu tư công	0.9%	0.9%	4.1%	4.1%	4.1%	-1.8%	20.4%
Hàng tiêu dùng	0.9%	0.9%	5.6%	5.6%	5.6%	1.7%	20.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.6%	0.6%	5.4%	5.4%	5.4%	6.1%	26.2%
Chiến tranh thương mại	0.6%	0.6%	2.4%	2.4%	2.4%	-10.0%	18.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.4%	2.3%	2.3%	2.3%	6.8%	15.8%
Lãi suất giảm	0.3%	0.3%	5.7%	5.7%	5.7%	2.5%	19.7%
Xây dựng	0.3%	0.3%	5.4%	5.4%	5.4%	-2.5%	19.5%
Stay-at-home	0.3%	0.3%	4.3%	4.3%	4.3%	9.1%	18.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-0.6%	3.7%	3.7%	3.7%	1.7%	20.8%
Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.9%	1.9%	4.0%	4.0%	4.0%	-7.7%	21.4%
S32	1.5%	1.5%	3.8%	3.8%	3.8%	-15.3%	22.6%
L32	1.2%	1.2%	3.9%	3.9%	3.9%	-8.2%	21.3%
L11	1.1%	1.1%	3.5%	3.5%	3.5%	-7.0%	17.8%
S11	0.9%	0.9%	3.2%	3.2%	3.2%	1.1%	18.8%
M12	0.9%	0.9%	2.6%	2.6%	2.6%	-7.5%	20.0%
S21	0.9%	0.9%	2.7%	2.7%	2.7%	-9.6%	20.1%
M22	0.7%	0.7%	2.8%	2.8%	2.8%	-2.8%	19.0%
L22	0.5%	0.5%	2.9%	2.9%	2.9%	-7.5%	
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.1%	1.1%	3.8%	3.8%	3.8%	-1.1%	19.5%
LOW1	0.9%	0.9%	2.8%	2.8%	2.8%	-5.5%	17.3%
MID1	-0.1%	-0.1%	4.5%	4.5%	4.5%	4.9%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	1.6%	1.6%	4.4%	4.4%	4.4%	-10.4%	17.0%
VN30INDEX	1.7%	1.7%	4.3%	4.3%	4.3%	-8.6%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	8	17	8	17	8	17
Mục tiêu	9	1	8	1	8	0	9
Rủi ro	3	0	3	0	3	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

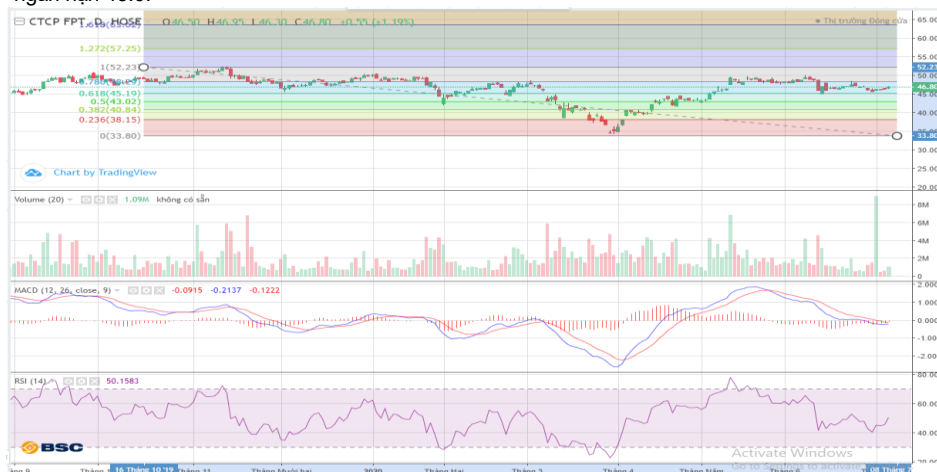
Phân tích kỹ thuật

FPT_Mô hình 2 đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: FPT đang hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng 45. Thanh khoản cổ phiếu vẫn đang nằm ở mức yếu và dưới ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI báo hiệu nhịp tăng giá ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu đảo chiều tích cực phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đang có dấu hiệu cắt lại dài mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế tại vùng giá 46-47 và có thể cân nhắc chốt lãi tại ngưỡng kháng cự 57.2 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 45.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2020 của FPT đạt 31,805 tỷ đồng (+14.7% YoY) và 5,321 tỷ (+14.1% YoY). EPS FW 2020 đạt 4,837 VND/cp (+14% YoY) (đã trích quỹ khen thưởng và phúc lợi).

Catalyst

SCIC thoái vốn khỏi FPT.

Cập nhật KQKD

Ngày 8/4/2020, BSC có tham dự trực tuyến Đại hội cổ đông 2020 của FPT. Đại hội đã giải đáp các câu hỏi nhà đầu tư chủ yếu xoay quanh hai vấn đề chính:

- (1) **Ảnh hưởng của Covid – 19:** Dự kiến mảng Xuất khẩu phần mềm tăng trưởng nhẹ trong Q2.2020 (CAGR quá khứ là 21.5%/năm). Tuy nhiên, FPT với tài chính lành mạnh và tập khách hàng là doanh nghiệp lớn đủ khả năng chống chọi với thời kỳ khó khăn.
- (2) **Chiến lược Chuyển đổi số của Tập đoàn.** Ngoài ra, trong tờ trình cổ đông, một số thông tin đáng chú ý như (1) Phát hành ESOP cho ban lãnh đạo và người lao động (2) Chính sách trả cổ tức 2020 là 20% (10% cổ tức tiền năm 2019 và 15% cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến thực hiện vào tháng 6/2020).

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **FPT 2020Q2**

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực	Link
PC1_ Tăng giá	Link
CTI_ Xu hướng tăng	Link
VNM_ Hạng phần	Link
GVR_ Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.81	0.39%	6.03%	8.57%	-26.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.46	1.54%	3.85%	8.19%	-30.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.92	0.79%	9.71%	11.94%	-27.97%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1775.77	0.21%	0.17%	3.60%	22.80%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.15	0.74%	1.62%	2.47%	11.00%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	907.25	1.17%	5.34%	4.73%	-2.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	Ngày 04/07/2020	494.00	0.41%	3.84%	-4.22%	-9.77%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.00	0.13%	6.28%	23.13%	34.90%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.78	0.72%	2.02%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.21	-0.25%	5.08%	4.36%	-10.81%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	101.95	-1.21%	5.48%	1.39%	-17.52%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6017.00	-0.92%	1.01%	8.91%	1.95%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	514.10	0.83%	2.00%	1.19%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1614.00	-0.43%	0.78%	2.90%	-10.48%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	106.23	0.90%	0.57%	0.32%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.90	0.18%	1.27%	-2.95%	-30.65%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

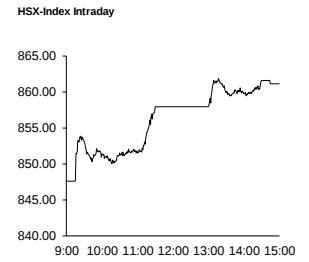
Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 73 USD cent tương đương 1.7% lên 43.53 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 28 US cent tương đương 0.7% lên 40.93 USD/thùng.

Giá vàng

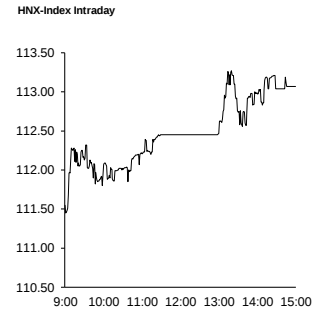
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,776.29 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.3% lên 1,785 USD/ounce.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

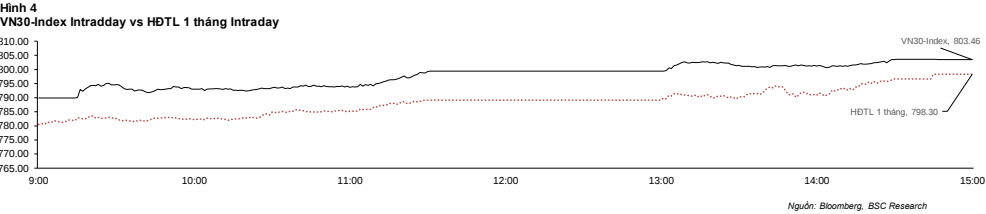
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.75%
Xây dựng và Vật liệu	-0.41%
Du lịch và Giải trí	0.11%
Ô tô và phụ tùng	0.18%
Tài nguyên Cơ bản	0.26%
Y tế	0.71%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.71%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.76%
Bảo hiểm	1.01%
Dầu khí	1.05%
Công nghệ Thông tin	1.28%
Hóa chất	1.39%
Dịch vụ tài chính	1.41%
Ngân hàng	1.46%
Bán lẻ	1.67%
Thực phẩm và đồ uống	1.80%
Bất động sản	2.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.28%
Viễn thông	8.00%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2007	798.30	3.30%	-5.16	-23.5%	128.165	7/16/2020	12
VN30F2008	789.50	3.38%	-13.96	72.5%	671	8/20/2020	47
VN30F2009	781.90	3.23%	-21.56	163.6%	145	9/17/2020	75
VN30F2012	776.80	2.93%	-26.66	133.3%	147	12/17/2020	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh 13.59 điểm, lên mức 803.46 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VPB, VHM, TCB, và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực cuối phiên sáng lên gần 800 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian trong phiên chiều giằng co quanh 802 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra lại kháng cự quanh 810 điểm trong các phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ2002	VND	10/1/2020	87	2:1	286.660	5018.9%	1.0 triệu	36.71%	2.400	2.120	31.68%	730	2.90
CVHM2001	KIS	12/16/2020	163	5:1	311.940	1589.8%	2.0 triệu	37.33%	3.100	1.700	16.44%	791	2.15
CVHM2003	HSC	10/29/2020	115	10:1	366.150	176.5%	5.0 triệu	37.33%	1.000	1.640	15.49%	1.386	1.18
CSTB2004	SSI	11/30/2020	147	1:1	138.910	106.5%	5.0 triệu	41.62%	1.400	1.740	15.23%	1.591	1.09
CSTB2002	KIS	12/16/2020	163	1:1	103.220	166.6%	3.0 triệu	41.62%	1.700	1.940	13.45%	1.239	1.57
CMWG2008	HSC	10/29/2020	115	10:1	143.110	268.9%	5.0 triệu	39.82%	1.300	960	11.63%	732	1.31
CTCB2004	MBS	8/18/2020	43	2:1	145.610	314.1%	2.0 triệu	36.48%	1.050	1.800	11.11%	1.711	1.05
CVNM2002	KIS	12/16/2020	163	5:1	142.470	149.3%	3.0 triệu	31.56%	3.200	1.410	11.02%	632	2.23
CMBB2002	SSI	8/10/2020	35	1:1	995.200	1055.3%	3.0 triệu	34.34%	1.300	570	9.62%	370	1.54
CVRE2003	KIS	12/16/2020	163	2:1	194.920	141.5%	3.0 triệu	44.08%	3.000	990	8.79%	334	2.96
CFPT2004	SSI	8/10/2020	35	1:1	26.030	17.4%	2.0 triệu	32.17%	5.100	6.160	7.88%	787	7.83
CMWG2005	VND	10/1/2020	87	2:1	30.230	-30.4%	1.0 triệu	39.82%	2.500	3.960	7.61%	1.832	2.16
CVNM2003	MBS	9/4/2020	60	10:1	177.500	22.2%	3.0 triệu	31.56%	1.450	2.600	6.56%	2.345	1.11
CSTB2006	KIS	4/5/2021	273	2:1	120.580	N/A	2.0 triệu	41.62%	1.500	1.480	5.71%	652	2.27
CFPT2003	SSI	11/9/2020	126	1:1	23.080	7.2%	2.0 triệu	32.17%	7.300	8.930	4.94%	2.544	3.51
CHDB2003	KIS	12/16/2020	163	2:1	142.160	112.3%	2.0 triệu	39.76%	2.700	1.180	3.51%	526	2.25
CHPG2005	VND	10/1/2020	87	1:1	64.550	26.2%	2.0 triệu	36.43%	2.100	8.600	2.50%	8.836	0.97
CVNM2004	SSI	11/30/2020	147	1:1	15.010	-54.0%	2.0 triệu	31.56%	17.500	14.780	1.44%	9.636	1.53
CTCB2006	HSC	10/29/2020	115	2:1	64.180	455.7%	5.0 triệu	36.48%	1.200	1.840	-3.16%	1.560	1.18
CCTD2001	KIS	12/16/2020	163	10:1	94.960	-24.8%	1.0 triệu	55.16%	1.540	2.010	-5.19%	1.102	1.82
Tổng:					3,299,810		53.00 triệu	37.88%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/7/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CPNJ2002 và CVHM2002 tăng mạnh lần lượt là 31.68% và 20.94%. Trái lại, CMBB2006 giảm mạnh -10.40%. Giá trị giao dịch tăng 41.60%. CPNJ2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.60% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	116.50	2.10	1.78
VPB	22.00	3.29	1.57
VHM	80.80	3.86	1.53
TCB	20.25	2.27	1.34
STB	11.55	5.00	1.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	107.7	-0.28	-0.10
CTD	78.2	-2.13	-0.08
EIB	17.8	-0.28	-0.07
VCB	82.9	-0.12	-0.05
HDB	26.0	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2002	73.800	69.000	59.500
CVHM2001	110.067	94.567	80.800
CVHM2003	80.000	70.000	80.800
CSTB2004	12.400	11.000	11.550
CSTB2002	13.588	11.888	11.550
CMWG2008	98.000	85.000	83.500
CTCB2004	19.100	17.000	20.250
CVNM2002	155.080	139.285	116.500
CMBB2002	19.300	18.000	17.000
CVRE2003	43.999	37.999	27.100
CFPT2004	55.100	50.000	46.800
CMWG2005	97.000	92.000	83.500
CVNM2003	96.254	92.780	116.500
CSTB2006	15.888	12.888	11.550
CFPT2003	57.300	50.000	46.800
CHDB2003	37.523	32.123	26.000
CHPG2005	21.100	19.000	27.600
CVNM2004	133.973	116.473	116.500
CTCB2006	20.400	18.000	20.250
CCTD2001	96.288	80.888	78.200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.5	2.2%	1.2	1,644	2.2	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.5	1.5%	1.3	582	1.1	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.0	1.1%	1.3	1,517	0.9	1,307	36.0	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	0.0%	0.4	292	0.0	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.4	1.3%	0.8	13,441	1.1	2,095	43.6	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.1	2.3%	1.1	2,677	3.6	1,226	22.1	2.3	30.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	64.2	2.9%	0.8	2,706	2.0	3,584	17.9	2.8	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	0.6%	0.8	431	0.6	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.7	1.7%	1.3	264	1.5	2,289	5.1	0.9	41.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.6	3.0%	1.3	408	2.7	1,415	11.0	0.9	49.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.9	2.2%	1.0	163	0.3	4,240	5.4	0.9	27.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.5	2.6%	1.8	259	1.0	1,480	13.2	1.4	52.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.8	1.2%	0.8	1,595	2.2	4,804	9.7	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.8	0.6%	0.4	539	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.4	3.0%	1.5	6,025	1.5	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	1.0%	1.5	2,402	1.6	869	53.4	2.9	14.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	2.5%	1.6	258	1.2	1,238	10.0	0.5	11.6%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	2.9%	0.8	957	0.6	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.7	0.8%	0.5	527	0.1	5,046	18.4	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	1.4%	0.4	248	1.0	1,006	14.5	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	1.4%	0.4	202	0.4	415	21.1	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.9	-0.1%	1.2	13,368	4.4	4,848	17.1	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.1	2.6%	1.4	7,012	1.3	2,140	18.7	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.1	3.4%	1.2	3,731	4.8	2,510	9.2	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.0	3.3%	1.2	2,332	1.9	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.0	0.9%	1.0	1,782	2.2	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.6	2.6%	0.9	1,706	3.3	3,780	6.2	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.2	-3.2%	0.9	193	0.2	5,303		1.7	81.5%	17.0%
NTP	Nhựa	32.2	-0.3%	0.4	165	0.0	4,208	7.7	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.7%	0.4	649	0.0	356	42.4	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.6	0.4%	1.1	3,313	11.7	2,764	10.0	1.5	36.1%	17.4%
HSG	Thép	11.9	0.4%	1.5	230	3.1	1,493	8.0	0.9	11.7%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.5	2.1%	0.7	8,820	6.6	5,453	21.4	6.8	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	180.5	3.1%	0.8	5,033	1.1	6,719	26.9	6.7	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.6	0.7%	1.0	2,927	2.1	3,961	14.5	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.3	1.8%	0.7	365	1.8	171	83.8	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.4	0.5%	0.8	5,622	0.4	3,450	17.2	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	107.7	-0.3%	1.1	2,453	1.5	7,110	15.1	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.0	0.4%	1.7	1,603	0.2	1,654	15.7	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.2	1.3%	0.9	247	0.1	1,583	12.1	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	1.4%	1.1	128	0.3	2,117	5.0	0.7	24.9%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.0	-0.6%	0.9	418	0.3	9,201		2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	0.0%	0.7	400	0.4	1,453	14.1	1.4	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	0.7%	1.0	226	0.0	1,938	7.0	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	78.2	-2.1%	1.0	259	2.6	8,032	9.7	0.7	46.1%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.7	-2.6%	0.3	513	0.1	1,498	17.8	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.5	0.3%	0.3	192	0.6	1,775	10.4	0.9	38.5%	8.5%
POW	Điện	10.0	3.3%	0.6	1,017	1.1	1,028	9.7	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	22.4	1.6%	0.5	280	0.3	2,543	8.8	1.5	18.1%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	80.80	3.86	2.87	4.33MLN
VNM	116.50	2.10	1.19	1.32MLN
VIC	91.40	1.33	1.16	284020.00
BID	40.10	2.56	1.15	757690.00
GAS	72.40	2.99	1.15	485000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.11	1.22MLN	1.11MLN
BHN	0.00	-0.07	3040.00	607060.00
PSH	-0.01	-0.05	1.10MLN	373600.00
VJC	0.00	-0.05	318520.00	192700.00
BMP	0.00	-0.04	96780.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCG	7.06	6.97	0.01	599700.00
VAF	9.69	6.95	0.01	10.00
APC	19.25	6.94	0.01	38780.00
SRC	15.40	6.94	0.01	6430.00
UDC	3.85	6.94	0.00	65840.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMG	13.95	-7.00	-0.01	5780.00
SGR	14.65	-6.98	-0.01	30.00
SCD	24.20	-6.92	0.00	1860.00
KPF	15.70	-6.82	-0.01	480.00
SVT	21.90	-6.81	-0.01	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.60	2.61	0.95	3.20MLN
SHB	12.90	0.78	0.13	1.67MLN
NVB	8.90	2.30	0.08	3.58MLN
PVS	12.40	2.48	0.07	2.29MLN
DNP	17.00	3.66	0.03	76400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	26.70	-2.55	-0.05	48600.00
IDC	19.40	-1.52	-0.05	3700.00
VIX	7.20	-2.70	-0.02	272200.00
DST	5.10	-8.93	-0.02	627800.00
L14	65.20	-1.81	-0.02	24800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

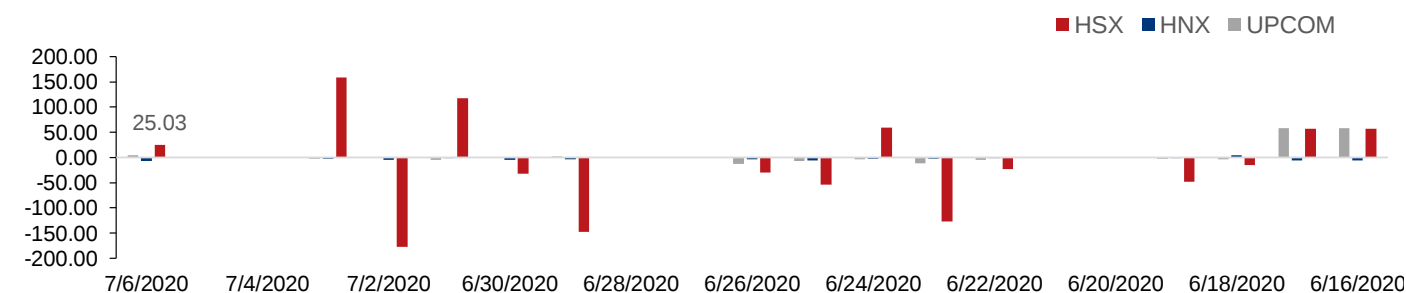
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	14.3	0.00	168300.00
MCO	2.20	10.0	0.00	1000.00
NHC	29.90	9.9	0.00	300.00
RCL	26.80	9.8	0.01	100.00
VDL	27.40	9.6	0.01	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	172300.00
DNC	54.50	-9.92	-0.01	200.00
KTS	8.20	-9.89	0.00	700.00
VXB	4.60	-9.80	0.00	400.00
VSA	15.70	-9.77	-0.01	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

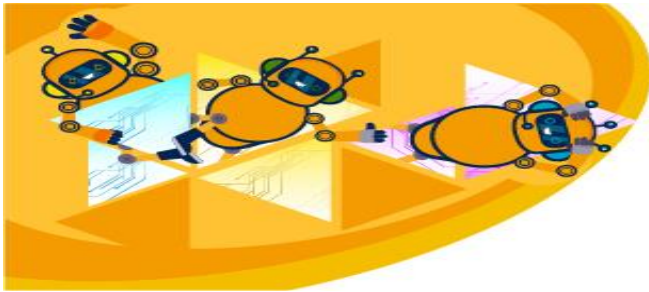
Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.6	3,961	14.5	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.8	4,717	8.7	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.9	1,493	8.0	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.5	1,140	17.1	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.6	2,764	10.0	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.5	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.0	5,718	24.0	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.7	2,289	5.1	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.6	1,496	11.1	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.5	7,637	2.6	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.3	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.3		9.3	1.8	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.9	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.6	3,780	6.2	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.5	6,553	5.6	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.7	3,887	13.6	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.8	4,804	9.7	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.2	1,583	12.1	0.9	Click

8



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn